

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1630/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bí mật nhà nước độ Tuyệt mật gồm:

1. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng gồm: Quyết định, kế hoạch, kết luận, tờ trình, báo cáo, thông báo, biên bản, văn bản (sau đây gọi tắt là văn bản) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (sau đây gọi tắt là Trung ương Đảng), Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Đảng ủy các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương (gọi tắt là Đảng ủy trực thuộc Trung ương) về kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công khai.

2. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng gồm:

a) Văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương về kết quả thẩm tra, xác minh vấn đề chính trị của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công khai.

b) Văn bản của Trung ương Đảng, cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương; các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị,

Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về quá trình chuẩn bị, đề án, phương án nhân sự Ủy viên Bộ Chính trị là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội, Thường trực Ban Bí thư chưa công khai.

3. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân gồm:

a) Văn bản của Trung ương Đảng về chiến lược đối ngoại liên quan đến an ninh quốc gia, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; quan hệ đối ngoại của Đảng ta với các đảng, các nước lớn, các nước láng giềng về vấn đề biên giới lãnh thổ, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên đất liền, vùng trời, vùng biển, hải đảo, thềm lục địa của nước ta chưa công khai.

b) Đề án chính trị, biên bản, báo cáo kết quả hội đàm của Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Thường trực Ban Bí thư đi thăm, làm việc với các đảng, các nước và đón các đoàn cấp cao các đảng, các nước vào thăm, làm việc tại Việt Nam có nội dung đánh giá, trao đổi về quan hệ chính trị đặc biệt với nước ta chưa công khai.

c) Báo cáo, đề án, tờ trình của Đảng ủy Bộ Ngoại giao kiến nghị Trung ương Đảng các chủ trương, chính sách của Đảng về vấn đề đối ngoại và quan hệ của Đảng ta với các đảng, các nước lớn, các nước láng giềng có nội dung liên quan đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và biên giới quốc gia chưa công khai.

4. Thông tin về kinh tế - xã hội: Văn bản của Trung ương Đảng và báo cáo, tờ trình, văn bản của cơ quan, tổ chức đảng trình xin ý kiến Trung ương Đảng về kinh phí đặc biệt dành cho quốc phòng, an ninh; về chủ trương thu, đổi tiền, phát hành tiền chưa công khai.

5. Thông tin về công tác dân tộc, công tác tôn giáo: Văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về vấn đề dân tộc, về công tác dân tộc liên quan đến lợi ích quốc gia, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia; chủ trương chỉ đạo, biện pháp xử lý đối với các vấn đề phức tạp về tôn giáo cấp nhà nước chưa công khai.

6. Thông tin về quốc phòng, an ninh gồm:

a) Văn bản của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư về xử lý các tình huống chiến tranh, phòng thủ đất nước, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; chủ trương về phát triển vũ khí công nghệ cao, tác chiến trên không gian mạng của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương chưa công khai.

b) Văn bản của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy quân sự tỉnh, Đảng ủy công an tỉnh về hoạt động, phương hướng hoạt động của lực lượng tình báo, lực lượng kỹ thuật nghiệp vụ trong bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; xác định các đối tượng, phương án, đối sách đấu tranh, quy trình xử lý tình huống nghiệp vụ đối với các đối tượng, thế lực thù địch trong và ngoài nước có âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc đe dọa xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia chưa công khai.

7. Thông tin về khoa học và công nghệ: Văn bản, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt có ý nghĩa quyết định đến khả năng tác chiến phòng thủ đất nước, bảo vệ Tổ quốc chưa công khai.

Điều 2. Bí mật nhà nước độ Tối mật gồm:

1. Thông tin về lãnh đạo, chỉ đạo chung gồm:

a) Văn bản, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư về xử lý các vụ việc phức tạp liên quan đến đối ngoại, an ninh quốc gia, các điểm nóng về an ninh trật tự; giải quyết các vụ việc phức tạp về chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế chưa công khai.

b) Văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Văn phòng Trung ương Đảng về tài sản và kinh phí hoạt động đặc biệt của Đảng chưa công khai.

2. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng gồm:

a) Văn bản của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc giám sát, giải quyết khiếu nại đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa công khai.

b) Văn bản của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Đảng ủy trực thuộc Trung ương về kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét thi hành kỷ luật đảng, giải quyết tố cáo đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương chưa công khai (trừ nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này).

3. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng gồm:

a) Văn bản của Trung ương Đảng, cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương, các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy

trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về chuẩn bị, đề án, phương án, quy hoạch nhân sự Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy cấp tỉnh, Đảng ủy trực thuộc Trung ương quản lý chuẩn bị cho nhiệm kỳ khóa mới và xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ cấp chiến lược chưa công khai (trừ văn bản thành lập các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm, tổ giúp việc, tổ biên tập).

b) Văn bản (trừ các Quyết định, thông báo) của Trung ương Đảng, cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương, các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về thẩm định, đánh giá, nhận xét, cho ý kiến việc bầu cử, ứng cử, điều động, bổ nhiệm, phân công, từ chức, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, kỷ luật cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý chưa công khai.

c) Bản kiểm điểm, văn bản gợi ý kiểm điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư có nội dung kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia chưa công khai.

d) Văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tiểu ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, các cấp ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan đảng ở Trung ương đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề về chính trị thuộc diện Trung ương quản lý chưa công khai (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định này).

4. Thông tin về công tác tuyên giáo và dân vận gồm:

a) Văn bản của Trung ương Đảng, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, Đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ban chỉ đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cấp ủy cấp tỉnh, Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Đảng bộ trực thuộc Trung ương trở lên về chủ trương, hướng dẫn, chỉ đạo, đánh giá công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, về xác định đối tượng, các biện pháp đấu tranh phòng, chống âm mưu thủ đoạn hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ chưa công khai; về công tác đấu tranh, phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ chưa công khai.

b) Văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, Đảng ủy trực thuộc Trung ương; Đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc các Đảng bộ trực thuộc Trung ương, tổ chức đảng cơ sở (xã, phường, đặc khu) về chủ trương, hướng dẫn, trao đổi, chỉ đạo giải quyết, xử lý đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc thiểu số có tác động, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, quốc phòng, đối ngoại chưa công khai.

c) Văn bản của các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng về lựa chọn, bố trí, tranh thủ lực lượng cốt cán đặc thù trong tôn giáo chưa công khai.

5. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân gồm:

a) Văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng ủy Bộ Ngoại giao chỉ đạo, hướng dẫn về chủ trương kiến lập, phát triển, đình chỉ quan hệ của Đảng ta với các đảng, các nước, các đối tác chưa công khai.

b) Văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng ủy Bộ Ngoại giao, cấp ủy cấp tỉnh về đàm phán, hoạch định đường biên giới quốc gia, đấu tranh bảo vệ vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam với các nước láng giềng chưa công khai.

c) Văn bản của Đảng ủy Bộ Ngoại giao kiến nghị Trung ương Đảng về hoạt động đối ngoại cụ thể của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư và đón các đoàn của các đảng, các nước, một số tổ chức quốc tế vào thăm, làm việc tại Việt Nam chưa công khai.

d) Văn bản, ý kiến chỉ đạo, phương án của Trung ương Đảng, Đảng ủy Bộ Ngoại giao về đấu tranh chính trị, pháp lý, ngoại giao nhằm bảo vệ chủ quyền, quyền và lợi ích quốc gia chưa công khai.

6. Thông tin về kinh tế - xã hội: Văn bản của Trung ương Đảng, Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về chủ trương đầu tư, phát triển dự án kinh tế trọng điểm của đất nước phục vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa công khai.

7. Thông tin về công tác nội chính: Văn bản, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Ban Nội chính Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cấp tỉnh về phương hướng xử lý các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực, nổi cộm, phức tạp nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

8. Thông tin về quốc phòng, an ninh gồm:

a) Văn bản của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, đảng ủy quân sự tỉnh, đảng ủy công an tỉnh, đảng ủy bộ đội biên phòng, đảng ủy từ cấp trên trực tiếp cơ sở đến cấp trực thuộc Quân ủy Trung ương về định hướng chủ trương, chỉ đạo kế hoạch tác chiến, xây dựng các thành phần tham gia thể trận phòng thủ đất nước, khu vực phòng thủ các tỉnh, thành phố; đánh giá, trao đổi về tình hình an ninh biên giới, hải đảo và phương án bảo vệ chủ quyền biên giới, lãnh thổ quốc gia chưa công khai.

b) Văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, đảng ủy quân sự tỉnh, đảng ủy công an tỉnh về trang bị vũ khí, khí tài, phương tiện thiết bị kỹ thuật, các mặt hàng đặc biệt trọng yếu phục vụ bảo vệ Tổ quốc và an ninh quốc gia chưa công khai.

c) Văn bản, ý kiến chỉ đạo của cơ quan, tổ chức đảng về triển khai các phương án, kế hoạch, lực lượng, biện pháp công tác bảo vệ an ninh quốc gia chưa công khai (trừ quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Quyết định này).

9. Thông tin về khoa học và công nghệ: Văn bản của Trung ương Đảng, cơ quan, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương về chủ trương triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh chưa công khai (trừ quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định này).

10. Thông tin về tài nguyên và môi trường: Văn bản của Trung ương Đảng, cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương, hướng dẫn, chỉ đạo việc đàm phán thành lập, duy trì, phát triển các tổ chức lưu vực sông quốc tế có liên quan đến Việt Nam; đàm phán bảo vệ quyền lợi quốc gia trong hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước sông quốc tế chưa công khai.

Điều 3. Bí mật nhà nước độ Mật gồm:

1. Thông tin về lãnh đạo, chỉ đạo chung gồm:

a) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ trực thuộc Trung ương trình xin ý kiến Trung ương Đảng và báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận, góp ý vào dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng chưa công khai.

b) Đề án, tờ trình, báo cáo của Đảng ủy Quốc hội trình xin ý kiến Trung ương Đảng về sửa đổi bổ sung Hiến pháp chưa công khai.

c) Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư; biên bản hội nghị của Trung ương Đảng chưa công khai.

d) Quyết định, kết luận, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa công khai (trừ quy định điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này).

đ) Tài liệu, tư liệu lưu trữ về lịch sử Đảng, thân thế, sự nghiệp các đồng chí lãnh đạo Đảng chưa được thẩm định, xác minh, kết luận; hồ sơ, tài liệu về các vụ việc, vụ án phản cách mạng, vụ án chống Đảng; danh mục tài liệu tại các Lưu trữ lịch sử của Đảng có liên quan đến chính trị, quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia chưa công khai.

2. Thông tin về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng gồm:

a) Chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng nhiệm kỳ, hàng năm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cấp ủy, ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, cấp xã, phường, đặc khu chưa công khai.

b) Văn bản của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và nguyên Ủy viên Trung ương Đảng chưa công khai (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quyết định này).

c) Văn bản của Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp tỉnh về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xem xét thi hành kỷ luật đảng đối với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp xã, phường, đặc khu, các đồng chí thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các đồng chí ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp xã, phường, đặc khu chưa công khai (trừ quy định tại khoản 1 Điều 1, khoản 2 Điều 2 và điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định này).

d) Quyết định, kế hoạch, báo cáo, tờ trình, thông báo, biên bản, văn bản của cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp xã, phường (là cấp trên cấp cơ sở) về kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét và thi hành kỷ luật, giải quyết tố cáo đối với các đồng chí đảng viên thuộc cấp ủy cấp xã, phường quản lý chưa công khai.

3. Thông tin về công tác tổ chức xây dựng đảng gồm:

a) Văn bản của Trung ương Đảng, cấp ủy cấp tỉnh về chủ trương thành lập, giải thể, sáp nhập, điều chỉnh, phân định địa giới hành chính khu vực biên giới, biển đảo và khu vực có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh chưa công khai.

b) Văn bản (trừ các Quyết định, thông báo) của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng các cấp (trừ cấp cơ sở), các ban chỉ đạo, tiểu ban, hội đồng, tổ chức kiêm nhiệm khác về công tác tổ chức, cán bộ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương thành lập và tổ giúp việc, tổ biên tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương về đề án nhân sự, quy hoạch; về thẩm định, đánh giá, nhận xét, cho ý kiến việc luân chuyển, điều động, bổ nhiệm, phân công, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Ban Bí thư, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quản lý và cán bộ cấp tổng cục, cấp cục, cấp vụ và tương đương của các cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương chưa công khai.

c) Văn bản của Đảng ủy Quốc hội trình xin ý kiến Trung ương Đảng về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, thông tin về kết quả bầu cử cuộc bầu cử chưa công khai.

d) Văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu giúp việc của cấp ủy ở Trung ương về quá trình phong, thăng quân hàm cấp tướng, Phó Đô đốc, Chuẩn Đô đốc Hải quân trong quân đội, công an chưa công khai.

đ) Báo cáo, bản kiểm điểm, gợi ý kiểm điểm của tập thể và cá nhân các đồng chí thuộc diện Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh quản lý có nội dung kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia chưa công khai.

e) Văn bản của cấp ủy, cơ quan đảng các cấp đối với cán bộ, đảng viên có vấn đề về chính trị chưa công khai (trừ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 và điểm d khoản 3 Điều 2 Quyết định này).

g) Văn bản của cơ quan, tổ chức đảng quy định, hướng dẫn, trao đổi về công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; văn bản chỉ đạo, định hướng, xem xét, đánh giá và bố trí cán bộ, đảng viên có vấn đề chính trị chưa công khai.

h) Văn bản của cơ quan, tổ chức đảng chỉ đạo, hướng dẫn, trao đổi về công tác đảng viên liên quan đến dân tộc thiểu số, tôn giáo và đảng viên ở nước ngoài có chứa thông tin, nhận xét, đánh giá ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh chưa công khai.

4. Thông tin về công tác tuyên giáo và dân vận (trừ quy định tại khoản 4 Điều 2 Quyết định này) gồm:

a) Văn bản của cấp ủy, ban tuyên giáo và dân vận cấp ủy các cấp về xác định đối tượng, các biện pháp, đối sách, kết quả đấu tranh phòng, chống âm

mưu, thủ đoạn chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ trên lĩnh vực tư tưởng lý luận, “diễn biến hòa bình” chưa công khai.

b) Văn bản của cấp ủy, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Chỉ đạo bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch các cấp có nội dung đánh giá, tình hình, công tác đấu tranh phản bác, ngăn chặn, xử lý thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch, đấu tranh, xử lý đối tượng vi phạm chưa công khai (trừ thông kê số lượt tin, bài tuyên truyền thông tin tích cực, đấu tranh phản bác; số lượt thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ thư ký, Nhóm chuyên gia, Cộng tác viên; số lượt văn bản của Ban Chỉ đạo).

c) Văn bản của cấp ủy về tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên đối với các vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, chức vụ nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

d) Văn bản của các cấp ủy, ban tuyên giáo và dân vận cấp ủy và các cơ quan, tổ chức đảng (trừ cấp cơ sở) về công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng liên quan đến an ninh, chính trị, đối ngoại và hoạt động của các đối tượng, tổ chức, phản động liên quan đến an ninh, chính trị, đối ngoại vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo chưa công khai.

đ) Báo cáo của cấp ủy, ban tuyên giáo và dân vận cấp ủy các cấp về kết quả làm việc với các tổ chức tôn giáo, chức sắc và lực lượng cốt cán trong tôn giáo, người có uy tín trong tôn giáo, dân tộc thiểu số có tác động, ảnh hưởng đến chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa công khai.

e) Văn bản của các cấp ủy, cơ quan đảng về đảng viên được cấp có thẩm quyền lựa chọn, bố trí, tranh thủ trong tôn giáo chưa công khai (trừ quy định tại điểm h khoản 3 Điều 3 Quyết định này).

g) Văn bản của các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng về lựa chọn, bố trí, tranh thủ lực lượng cốt cán phong trào trong tôn giáo chưa công khai.

5. Thông tin về công tác đối ngoại đảng, đối ngoại nhân dân gồm:

a) Văn bản về hoạt động đối ngoại của Trung ương Đảng, các cơ quan đảng, đảng ủy, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trung ương chưa công khai.

b) Văn bản và văn kiện ngoại giao của các đoàn đại biểu cấp cao Đảng ta đi thăm nước ngoài và đón các đoàn đại biểu cấp cao các đảng, các nước, các tổ chức quốc tế đến thăm và làm việc tại Việt Nam có nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia chưa công khai.

c) Văn bản và văn kiện, thỏa thuận đối ngoại của các cơ quan đảng trực thuộc Trung ương, cấp ủy cấp tỉnh về các cuộc gặp, làm việc với các đảng, các nước, các địa phương nước ngoài có chung biên giới, các tổ chức nước ngoài có nội dung liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia chưa công khai.

d) Văn bản của Đảng ủy Chính phủ, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Bộ Ngoại giao, cấp ủy cấp tỉnh có nội dung nhận xét, đánh giá, kiến nghị về các vấn đề đối ngoại của quốc tế, khu vực và các nước láng giềng, về chủ trương đối ngoại và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh chưa công khai.

6. Thông tin về kinh tế - xã hội: Văn bản của cơ quan, tổ chức đảng ở Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy về chủ trương, chính sách dự án lớn về kinh tế xã hội, đầu tư, phát triển dự án kinh tế vùng, khu vực của tỉnh, thành phố gắn với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ chưa công khai.

7. Thông tin về công tác nội chính gồm:

a) Văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Nội chính Trung ương, Ban Chỉ đạo về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực cấp tỉnh trở lên có nội dung đánh giá, nhận xét, chỉ đạo định hướng, theo dõi, nắm tình hình, xử lý các vấn đề, vụ việc, vụ án xâm phạm an ninh quốc gia; vụ việc, vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự, an toàn xã hội; vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng; vụ việc, vụ án dư luận xã hội đặc biệt quan tâm chưa công khai.

b) Văn bản của cơ quan, tổ chức đảng có chứa thông tin đánh giá về tình hình, kết quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ phức tạp chưa công khai.

8. Thông tin về quốc phòng, an ninh gồm:

a) Văn bản, ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương, phương hướng, biện pháp giải quyết, xử lý các vụ việc là điểm nóng phức tạp về an ninh trật tự ở địa phương, trong vùng dân tộc, tôn giáo, khu kinh tế, khu vực biên giới, hải đảo chưa công khai.

b) Văn bản, ý kiến chỉ đạo của cơ quan, tổ chức đảng về triển khai các phương án, kế hoạch, lực lượng, biện pháp công tác quốc phòng, quân sự tại địa phương chưa công khai.

c) Văn bản của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng các cấp về xây dựng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tại địa phương chưa công khai.

9. Thông tin về khoa học và công nghệ:

a) Văn bản, ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương Đảng, cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ đổi mới sáng tạo, năng lượng nguyên tử chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố công khai (trừ quy định tại khoản 9 Điều 2 Quyết định này).

b) Văn bản của Trung ương Đảng, cơ quan, tổ chức đảng về chủ trương, chính sách liên quan đến công nghệ hạt nhân, công nghệ hàng không vũ trụ, công nghệ quân sự tiên tiến, bán dẫn và linh kiện trọng yếu, công nghệ lượng tử, công nghệ sinh học có giá trị chiến lược và ảnh hưởng đến an ninh quốc gia chưa công khai.

10. Thông tin, tài liệu về địa điểm làm việc, lưu giữ bí mật nhà nước, diễn ra hoạt động của Trung ương Đảng, của các cơ quan đảng ở Trung ương và lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước chưa công khai, gồm:

a) Văn bản chứa nội dung phản ánh chi tiết về bản vẽ thiết kế xây dựng, bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế hệ thống quản lý địa điểm, bản vẽ thiết kế hệ thống giám sát an ninh, bản vẽ thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; bản đồ, sơ đồ thể hiện vị trí các phòng làm việc, nơi lưu giữ bí mật nhà nước.

b) Bản vẽ thiết kế xây dựng, bản vẽ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế hệ thống quản lý địa điểm, bản vẽ thiết kế hệ thống giám sát an ninh, bản vẽ thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; bản đồ, sơ đồ thể hiện vị trí các phòng làm việc, địa điểm lưu giữ bí mật nhà nước.

c) Phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn địa điểm làm việc, lưu giữ bí mật nhà nước của Trung ương Đảng, các cơ quan đảng ở Trung ương và lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước.

d) Địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; nơi cất giữ sản phẩm mật mã, nơi mã hóa, giải mã thông tin bí mật nhà nước; nơi lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

11. Thông tin, tài liệu về hệ thống mạng máy tính, hệ thống cơ sở dữ liệu bí mật nhà nước của Đảng chưa công khai gồm:

a) Bản thiết kế kỹ thuật hệ thống mạng máy tính, hệ thống cơ sở dữ liệu bí mật nhà nước của Đảng.

b) Sơ đồ, bản vẽ thể hiện vị trí lắp đặt phương tiện, thiết bị thuộc hệ thống mạng máy tính.

c) Phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu.

d) Phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống mạng máy tính, hệ thống cơ sở dữ liệu bí mật nhà nước của Đảng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan, đảng ủy, đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục A03, Bộ Công an;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, NC (2).

THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính